TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DSST
Ngày: 15/8/2024
V/v: T/c HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Ngọc Hà.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Minh Hoa**

Ông Lưu Văn Thiệm

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Hùng Cường** - Thư ký Tòa án ND quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Ông Trần Văn Nghiêm - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST-DS ngày 05/05/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 07 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 112/2024/QĐST-DS ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Mai Thanh T**, sinh năm 1963.

Trú tại: Số 6 ngõ 44/80 T, phường D, quận C, Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Phạm Hữu L,** sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 18 ngách 43/86 T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thanh T trình bày:

Bà T có thuê nhà của ông Phạm Hữu L từ năm 2017. Trong quá trình thuê nhà đã nhiều lần bà cho vợ chồng ông L vay tiền, mỗi lần vay đều có giấy xác nhận vay nợ. Ngày 13/12/2020 bà T và ông L đã cùng lập Biên bản xác nhận nợ,

nội dung ông L còn nợ bà T số tiền là 1.510.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận ông L sẽ thanh toán cho bà T theo các đợt như sau:

- Ngày 30/12/2020 ông L sẽ thanh toán cho bà T số tiền 1.200.000.000 đồng. Nếu ông L không trả đúng hạn thì phải chịu lãi suất 01%/tháng.

- Tháng 2/2021 ông L sẽ thanh toán cho bà T số tiền 130.000.000 đồng. Nếu ông L không trả đúng hạn thì phải chịu lãi suất 01%/tháng. Tuy nhiên do sơ suất trong quá trình ghi biên bản, bà T đã tính nhầm số tiền nên thực tế ông L chỉ phải thanh toán cho bà T số tiền 110.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng còn lại thì hai bên thoả thuận ông L sẽ uỷ quyền cho ông Tuấn, bà Bích thanh toán trả bà T sau khi ông L đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà cho ông T, bà B.

Ngoài ra bà T và ông L còn thỏa thuận bà T sẽ trả cho ông L tiền thuê nhà của tháng 9, 10, 11 năm 2020 tổng số tiền là 180.000.000 đồng

Kể từ khi ký biên bản xác nhận nợ đến nay, ông L vẫn chưa thanh toán cho bà T bất kì một khoản tiền nào.

Do đó, bà T đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông L phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 1.330.000.000 đồng.

- Buộc ông L phải thanh toán cho bà T số tiền lãi với mức lãi suất là 01%/tháng của các số tiền cụ thể tạm tính đến ngày 15/8/2024 như sau:

+ Đối với số tiền 1.200.000.000 đồng, ông L hẹn sẽ trả bà T vào ngày 30/12/2020. Bà T xác nhận còn nợ ông L 03 tháng tiền thuê nhà là tháng 9, 10, 11/2020 số tiền là 180.000.000 đồng. Bà yêu cầu đối trừ khoản tiền thuê nhà vào khoản nợ này. Do đó, số tiền bà yêu cầu ông L phải thanh toán chỉ còn 1.020.000.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 1.020.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/8/2024 là: 443.658.000 đồng.

+ Đối với số tiền 110.000.000 đồng, ông L hẹn sẽ trả bà T vào tháng 2/2021.

Tiền lãi của số tiền 110.000.000 đồng tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 15/8/2024 số tiền là: 45.712.000 đồng.

+ Đối với số tiền 200.000.000 đồng: Trong thời gian bà T thuê nhà của ông Lên, ông L làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất này cho ông T, bà B. Do ông T, bà B chưa thanh toán hết tiền mua nhà đất cho ông L nên bà T và ông L có thỏa thuận ông L sẽ ủy quyền cho ông T, bà B trả bà T số tiền 200.000.000 đồng sau khi đã sang tên sổ đỏ mang tên ông T, bà B. Tuy nhiên, sau đó ông L cũng không làm văn bản ủy quyền cho ông T, bà B trả tiền cho bà T cũng như giao dịch chuyển nhượng nhà đất giữa ông L và ông T, bà B chưa hoàn tất. Do vậy, bà T yêu cầu ông L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 200.000.000 đồng trên kể từ ngày bà T khởi kiện.

Tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng, tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 15/8/2024 với số tiền là 41.030.000 đồng.

Tổng số tiền nợ lãi ông L phải thanh toán cho bà T là 530.400.000 đồng.

* Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2024 buộc ông L phải thanh toán cho bà T số tiền là: 1.330.000.000đ + 530.400.000đ = 1.860.400.000 đồng.

Ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản ghi lời khai và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Hữu L trình bày:

Năm 2010 vợ chồng bà T có thuê căn nhà của vợ chồng ông L tại số 57 T, phường T, quận C, Hà Nội để kinh doanh. Giá thuê là 60.000.000d/tháng, trong vòng 10 năm không lên giá.

Từ năm 2017, vợ chồng ông L có vay tiền 02 lần của bà T, khi vay hai bên đều viết giấy vay nợ và đều có chữ ký của vợ chồng ông L và bà T. Tổng 02 lần vay tiền là hơn 1.100.000.000 đồng dưới 1.200.000.000 đồng vì ông L không nhớ chính xác số tiền. Và ông L chưa thanh toán số tiền trên cho bà T.

Theo biên bản xác nhận nợ ngày 13/12/2020 ký kết giữa bà T và ông L có xác nhận số tiền ông L nợ bà T là 1.510.000.000 đồng. Tuy nhiên thực tế số tiền 1.510.000.000 đồng không phải toàn bộ là tiền nợ gốc mà trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 410.000.000 đồng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông L trả cho bà T tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2022 là 1.932.800.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.510.000.000đ và nợ lãi là 422.800.000đ). Quan điểm của ông L như sau: Ông L không chấp thuận

việc tính lãi trên của bà T. Ông L chỉ đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 1.510.000.000 đồng.

Hiện tại do ông L chưa có điều kiện để trả cho bà T số tiền trên nên ông L và bà T sẽ thỏa thuận với nhau để đưa ra phương án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX Buộc ông L phải thanh toán cho bà tạm tính đến ngày 15/8/2024 tổng số tiền là 1.860.400.000 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 1.330.000.000 đồng; nợ lãi là 530.400.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với số tiền 1.020.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/8/2024 với số tiền là 443.658.000 đồng.

Đối với số tiền 110.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 15/8/2024 với với số tiền là 45.712.000 đồng.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày đến ngày 01/12/2022 đến ngày 15/8/2024 với số tiền là 41.030.000 đồng.

Bị đơn: Ông L vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trình bày quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Phạm Hữu L đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên xét xử lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 1, 3 Điều 228, Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 117, khoản 2 Điều 155, khoản 2 Điều 221, Điều 222, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 201; khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thanh T. Buộc ông Phạm Hữu L phải thanh toán cho bà Mai Thanh T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 1.860.400.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.330.000.000 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán đối với tiền nợ gốc theo từng thời điểm với mức lãi suất là 01%/tháng tổng cộng là 530.400.000 đồng.

Bà T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông L đã vay của bà T. Do vậy đây là tranh chấp đòi tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Phạm Hữu L có địa chỉ tại số nhà 18 ngách 43/86 T, phường T, quận C, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền là đúng với quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:*

- Thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên toà 02 lần không có lý do chính đáng và không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà ông L đã vay của bà T. Căn cứ vào khoản 2 điều 221, Điều 222 BLDS năm 2015 yêu cầu khởi kiện trên của bà T là yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu tài sản. Căn cứ vào khoản 2 Điều 155 BLDS năm 2015

Tòa án không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

* Xét biên bản xác nhận nợ: Biên bản xác nhận nợ được ký kết giữa bà T và ông L vào ngày 13/12/2020. Xét thấy tại thời điểm ký kết, bà T và ông L đều có đầy đủ năng lực dân sự, ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung biên bản không vi phạm điều cấm của luật, đã được hai bên thừa nhận. Do đó, biên bản xác nhận nợ trên là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Xét số tiền nợ gốc: Theo biên bản xác nhận nợ ngày 13/12/2020, hai bên có thoả thuận tính đến ngày 13/12/2020, ông L còn nợ bà T số tiền 1.510.000.000 đồng. Theo bản tự khai, phần trình bày của đương sự tại Toà án, bà T có trình bày số tiền 1.510.000.000 đồng là tiền nợ gốc. Tuy nhiên ông L lại trình bày số tiền 1.510.000.000 đồng bao gồm 1.100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 410.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, ông L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ, chứng minh số tiền 1.510.000.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 507 Bộ luật dân sự 2015 và biên bản xác nhận nợ của hai bên để xác định số tiền nợ gốc ông L còn phải thanh toán cho bà T là 1.510.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông L phải thanh toán cho bà tiền nợ gốc là 1.510.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tuy nhiên, bà T tự nguyện đối trừ khoản nợ 3 tháng tiền nhà số tiền là 180.000.000 đồng vào nợ gốc. Nên xác định khoản nợ gốc ông L còn nợ bà T số tiền là 1.330.000.000 đồng.

* Xét số tiền lãi:

Theo biên bản xác nhận nợ, các bên thoả thuận mức lãi suất đối với tiền nợ gốc là 01%/tháng (12%/năm). Căn cứ theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, mức lãi suất mà các bên thoả thuận như trên là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở để Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông L phải thanh toán số tiền nợ lãi đối với tiền nợ gốc với mức lãi suất là 01%/tháng tạm tính đến ngày 15/8/2024. Cụ thể:

- Đối với số tiền 1.020.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/8/2024 với với số tiền là 1.020.000.000 đồng x 1323/365 ngày x 12% = 443.658.000 đồng.

- Đối với số tiền 110.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 15/8/2024 với với số tiền là 110.000.000 đồng x 12% x 1264/365 ngày = 45.712.000 đồng.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng, ông L phải thanh toán tiền lãi tạm tính từ ngày đến ngày 01/12/2022 đến ngày 15/8/2024 với số tiền là 200.000.000 đồng x 12% x 624/365 ngày = 41.030.000 đồng.

Tổng số tiền nợ lãi ông L phải thanh toán cho bà T là 530.400.000 đồng.

Do đó tổng số tiền nợ gốc và lãi ông L phải thanh toán cho bà T tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 1.860.400.000 đồng.

[4] *Về án phí:* Bà T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự.

Ông L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 117, khoản 2 Điều 155, khoản 2 Điều 221, Điều 222, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thanh T đối với ông Phạm Hữu L về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Buộc ông Phạm Hữu L phải thanh toán cho bà Mai Thanh T tổng số tiền là 1.860.400.000 đồng (Một tỷ tám trăm sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc số tiền là 1.330.000.000đ (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 15/8/2024 số tiềnlà 530.400.000đ (Năm trăm ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015.

[3] Án phí: Ông L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.086.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019406 ngày 05/5/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Hà